TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 217/2024/DS-PT
Ngày 15 – 5– 2024
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan.

Ông Đỗ Cao Khánh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024 về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 445/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Bình T, sinh năm 1958; Cư trú: Số A, tổ E, Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Bình H, sinh năm 1955; Thường trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Tạm trú: Số B, Lý Thường K, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Út M, sinh năm 1962; Cư trú: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (Xin vắng mặt).

- Ông Lê Bình V, sinh năm 1953; Cư trú: Khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (Xin vắng mặt).

- Bà Lê Thị D, sinh năm 1947 (Xin vắng mặt);

- Ông Tô Văn H1, sinh năm 1973 (Xin vắng mặt);

- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1971 (Xin vắng mặt);

- Bà Lê Thị Kim M1, sinh năm 1957 (Vắng mặt);

- Bà Lê Thị Kim M2, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

- Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

- Ông Lê Hùng D1 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Ông Biện Văn T2, sinh năm 1938 (Vắng mặt);

- Bà Biện Ngọc M3, sinh năm 1963 (Vắng mặt);

- Bà Biện Hồng C, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

- Ông Biện Hoàng T3, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

- Bà Biện Thu N, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

- Bà Biện Hoàng O, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

- Ông Biện Hoàng L, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

- Bà Biện Thị T4, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Ông Biện Việt T5 (Đã chết);

Những người thừa kế của ông Biện Việt T5 bao gồm:

Bà Phan Thị Ú, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Cháu Biện Cát T6, sinh năm 2006 (Vắng mặt);

Cháu Biện Cát T7, sinh năm 2011 (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của cháu T6, cháu T7: Bà Phan Thị Ú, sinh năm 1985;

Cùng cư trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bà Lê Thị T8, sinh năm 1956; Thường trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Tạm trú: Số B, Lý Thường K, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt ngày 15/12, vắng mặt ngày 18/12/2023).

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Bình H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 17/4/2023 nguyên đơn ông Lê Bình T trình bày:

- Cha ông là Lê Bình T9 (chết năm 1994) và mẹ là Nguyễn Thị L1 (chết năm 1966) sinh được 09 người con gồm: Lê Bình Q (Chết năm 1971), Lê Thị H2 (Chết

lúc nhỏ, chưa có chồng con), Lê Thị T10 (Chết năm 2020), Lê Thị D, Lê Bình L2 (Chết năm 1972), Lê Bình V, Lê Bình H, Lê Bình T và Lê Thị Út M.

- Khi còn sống cha mẹ ông có tạo lập được phần đất 21 công tầm lớn, tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Trong số 09 người con, cha mẹ ông đã cho ông Lê Bình Q 25 công tầm lớn, ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất được tặng cho và bà Lê Thị T10 18.000m^2, bà T10 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất được tặng cho (Phần đất này riêng).

- Do ông là con trai út trong gia đình nên ông sống cùng cha mẹ và cùng cha mẹ canh tác phần đất 21 công tầm lớn, tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau mà cha mẹ ông khai phá. Khi còn sống cha mẹ ông xác định ông là con trai út nên cho ông được hưởng toàn bộ 21 công đất này (Cho miệng, không có giấy tờ). Năm 1992, ông về thị trấn S sinh sống và rước cha ông về sống cùng. Năm 1994 cha ông chết không để lại di chúc.

- Năm 1995, ông H về ấp S, xã K sinh sống. Do thời điểm này ông H quá khó khăn về kinh tế nên ông để phần đất 21 công tầm lớn cho ông H canh tác. Ông H canh tác đất khoảng 2, 3 năm thì cho nhiều người thuê đất để về thành phố C sinh sống.

- Đến năm 1996, ông H tự ý kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên. Việc ông H kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh chị em trong gia đình không ai hay biết. Đến khoảng năm 2003 ông mới biết ông H được cấp giấy chứng nhận đối với phần đất, ông phản đối vấn đề này nhưng anh chị em trong gia đình khuyên để họ yêu cầu ông H trả đất cho ông, hơn nữa thời điểm này ông thường xuyên đi biển dài ngày ở nước ngoài, ông H sang Hàn Quốc sống cùng con khoảng 10 năm nên ông không khởi kiện đòi lại đất.

- Diện tích đất mà ông H được cấp giấy chứng nhận là tài sản của cha mẹ ông. Do cha mẹ ông chết không để lại di chúc nên nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia diện tích đất theo đo đạc thực tế là 30.856,4m^2, tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo quy định pháp luật. Ông yêu cầu để lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 2.755,6m^2 để thờ cúng ông bà cha mẹ (Đất hương hoả không chia), do ông là con trai út trong gia đình, trực tiếp thờ cúng ông bà cha mẹ nên ông xin nhận phần đất hương hoả này. Còn lại diện tích đất 28.100,8m^2 sẽ được chia đều cho 05 người con còn sống của ông T9 và bà L1 bao gồm Lê Thị D, Lê Bình V, Lê Bình H, Lê Bình T, Lê Thị Út M; mỗi người được nhận diện tích đất 5.620,16m^2 để canh tác, vì hiện nay không ai có đất để canh tác.

- Trường hợp phần di sản của mẹ ông hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế thì ông xin nhận phần di sản này bởi ông sống với cha mẹ từ nhỏ, sau khi mẹ chết, ông đã cùng cha canh tác, gìn giữ đất đai cho đến khi ông H về canh tác vào năm 1995.

- Ông thống nhất với ý kiến của ông V, bà Út M. Theo đó, ông đồng ý nhận kỷ phần của những người này nếu họ giao cho ông và ông H được nhận mỗi người ½ kỷ phần.

- Ông thống nhất với ý kiến của bà D. Theo đó, ông đồng ý để bà D được nhận diện tích đất có căn nhà hiện hữu của bà D và lối đi vào nhà chiều ngang 03 mét, chiều dài từ đường bê tông (Giáp kênh S) vào đến nhà bà D.

Bị đơn ông Lê Bình H trình bày:

- Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về các người con chung của ông Lê Bình T9 và bà Nguyễn Thị L1; phần đất tranh chấp có nguồn gốc do ông T9 và bà L1 khai phá trước năm 1975, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ông sống cùng ông T9 và bà L1 từ năm 1974 đến năm 1990, cũng có thời gian gián đoạn do ông chấp hành án tù về tội vượt biên trái phép từ năm 1979 đến cuối năm 1985. Khi còn sống, ông T9 có nợ một số người bao gồm ông Phạm Văn C1 (Đã chết), ông Lê Văn K1 (Đã chết), bà Huỳnh Thị N1 (Đã chết), bà Lê Thị M (Còn sống). Vào năm 1990, ông xuất ra 7.000.000 đồng và 122 giạ lúa để trả nợ thay cho ông T9, việc trả nợ không có giấy tờ, do thời gian đã lâu nên ông không nhớ ông T9 nợ mỗi người bao nhiêu tiền. Do đó, ông T9 cho ông phần đất nêu trên, việc cho đất không có giấy tờ nhưng có một số người chứng kiến bao gồm ông Trương Văn T11, ông Phạm Văn Ẩ, ông Trương Hoàng B.

- Ông quản lý, sử dụng đất từ năm 1990. Ông đóng thuế từ năm 1990 đến khoảng năm 1995 thì nhà nước có chủ trương miễn thuế đất nông nghiệp đến nay. Do đã lâu nên ông không còn lưu giữ các giấy tờ đóng thuế.

- Năm 1995, nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân nên ông kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất 26.430m^2 vào năm 1996. Việc ông kê khai và được cấp giấy chứng nhận anh chị em trong gia đình không biết do ông không thông báo cho họ. Vài năm sau thì anh em trong gia đình mới biết nhưng không ai có ý kiến hoặc phản đối. Ông xác định ông không làm đơn và cũng không ký tên vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông chỉ khai báo, còn thủ tục do chính quyền địa phương làm cho ông.

- Ông cho bà D thuê đất từ năm 2006 đến nay.

- Đối với yêu cầu để lại diện tích đất 2.755,6m^2 dùng vào việc thờ cúng của ông T: Ông đồng ý để lại diện tích đất này để dùng vào việc thờ cúng và ông đồng ý giao cho ông T quản lý nhưng với điều kiện ông T không được tặng cho hoặc sang bán phần đất thờ cúng.

- Còn lại diện tích đất 28.100,8m^2, ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông T, do phần đất trước đây là đất hoang, ông đã bỏ nhiều công sức để cải tạo đất và sử dụng ổn định hơn 30 năm, trong thời gian quản lý đất ông đã thực hiện đúng các chủ trương sử dụng đất của nhà nước như hiến đất làm lộ giao thông

nông thôn. Hiện nay ông không có giấy tờ để chứng minh việc cải tạo đất, ông không yêu cầu Toà án giải quyết về công sức tôn tạo, cải tạo đất.

- Trường hợp phần di sản của mẹ ông hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế thì ông xin nhận phần di sản này bởi ông là người quản lý phần đất hơn 30 năm nay.

- Ông thống nhất với ý kiến của ông V, bà Út M. Theo đó, ông đồng ý nhận kỷ phần của những người này nếu họ giao cho ông và ông T được nhận mỗi người ½ kỷ phần.

- Ông thống nhất với ý kiến của bà D. Theo đó, ông đồng ý để bà D được nhận diện tích đất có căn nhà hiện hữu của bà D và lối đi vào nhà chiều ngang 03 mét, chiều dài từ đường bê tông (Giáp kênh S) vào đến nhà bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Bình V trình bày:

- Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về các người con chung của ông Lê Bình T9 và bà Nguyễn Thị L1; phần đất tranh chấp có nguồn gốc do ông T9 và bà L1 khai phá trước năm 1975, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông có ý kiến như sau: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn đối với phần đất ông H đang đứng tên. Trường hợp Tòa án chia theo pháp luật, ông sẽ được hưởng 01 phần di sản, ông xác định không nhận phần di sản của mình. Ông sẽ giao lại cho ông T và ông H, mỗi người được nhận ½ phần di sản của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà có ý kiến như sau: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn đối với phần đất ông H đang đứng tên. Trường hợp Tòa án chia theo pháp luật, bà sẽ được hưởng 01 phần di sản. Bà xin được nhận diện tích đất có căn nhà hiện hữu của bà và lối đi vào nhà chiều ngang 03 mét, chiều dài từ đường bê tông (Giáp kênh S) vào đến nhà, còn diện tích đất còn lại trong kỷ phần bà xin nhường cho ông T và ông H, mỗi người được nhận ½ diện tích đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Út M trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà có ý kiến như sau: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn đối với phần đất ông H đang đứng tên. Trường hợp Tòa án chia theo pháp luật, tôi sẽ được hưởng 01 phần di sản, bà xác định không nhận phần di sản của mình. Bà sẽ giao lại cho ông T và ông H, mỗi người được nhận ½ phần di sản của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T8 trình bày:

- Khi ông Lê Bình T9 còn sống (Vào khoảng năm 1990) ông T9 đã tặng cho toàn bộ phần đất tranh chấp cho vợ chồng bà. Đến năm 1993, thì bà kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Bà là người trực tiếp kê khai và ký tên thay cho ông H tại đơn xin cấp đất.

- Bà xác định phần đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng bà do được ông T9 tặng cho chung.

- Ngoài những nội dung nêu trên, bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Lê Bình H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 445/2023/ DS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Bình T về việc chia thừa kế di sản của ông Lê Bình T9 theo pháp luật.

- Giao diện tích đất 2.755,6m^2 (Đất trồng cây lâu năm), tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cho ông Lê Bình T quản lý để thực hiện việc thờ cúng. (Thửa số 3 Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 27/12/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH T13 tại Cà Mau).

- Chia cho ông Lê Bình T tổng diện tích đất 5.730,6m^2, tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong đó, bao gồm:

Thửa số 2 diện tích 749,6m^2 (Đất trồng cây lâu năm)Một phần thửa số 4 diện tích 2.567,7m^2 (Gồm 100m^2 đất ở tại nông thôn và 2.467,7m^2 trồng cây lâu năm) và một phần thửa số 5 diện tích 2.413,3m^2 (Đất trồng lúa).

- Chia cho bà Lê Thị D diện tích đất 247,3m^2, tọa lạc tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, là một phần thửa số 4 bao gồm 100m^2 đất ở tại nông thôn và 147,3m^2 trồng cây lâu năm.

- Công nhận và chia cho ông Lê Bình H tổng diện tích đất 19.781,2m^2, tọa lạc tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; tạm giao kỷ phần mà ông Lê Hùng D1 được hưởng cho ông Lê Bình H quản lý là diện tích đất 2.341,7m^2, tọa lạc tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong đó, bao gồm:

Thửa số 1 diện tích 1.375,7m^2 (Đất trồng cây lâu năm).

Một phần thửa số 4 diện tích 394,4m^2 (Gồm 100m^2 đất ở tại nông thôn và 294,4m^2 trồng cây lâu năm) và một phần thửa số 5 diện tích 20.352,8m^2 (Đất trồng lúa),

Kèm theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 27/12/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH T13 tại Cà Mau.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/01/2024, ông Lê Bình H kháng cáo bản án, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm bởi vì phần đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân ông, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 445/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Bình H còn trong thời hạn luật định. Ông H cho là tài sản chia thừa kế là của ông, vì ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đúng qui định. Thông qua chủ trương chính sách của nhà nước. Án sơ thẩm phân chia thừa kế phần đất là không đúng qui định.

[2] Xét nguồn gốc; Việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng; việc tặng cho quyền sử dụng đất: Nguồn gốc đất là của ông T9, bà L1 theo đo đạc thực tế là 30.856,4m^2, tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau là tài sản chung của ông T9 và bà L1. Ông T9 bà lài chết không để lại di chúc. Về chứng cứ ông T9 cho đất ông H là không có căn cứ giấy tờ chứng minh. Tuy ông T9 bà L1 còn sống chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 1995 thì ông H được cấp giấy

Theo lời ông H thừa nhận: Ông chỉ khai báo, không ký tên, Chữ ký tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải của ông); ông tự ý kê khai mà không thông báo hoặc được sự đồng ý của những người con còn lại của ông T9 và bà L1. Các anh em ông T và ông H có biết việc ông H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không phải là các anh em đồng ý giao quyền sử dụng đất cho ông H hoặc khước từ thừa kế. thực tế ông H chỉ đứng tên còn phần đất thì cho thuê và bà D là chị quản lý sử dụng canh tác. Tại tờ bàn giao đất ngày 06/3/2023 giữa bên giao đất và nhận đất là ông T và ông H " ông H thừa nhận có mượn đất của em trai đang canh tác v…v.. hôm nay tôi trả lại phần đất này".Thực tế do ông H không có đất canh tác, điều kiện kinh tế khó khăn nên những người con còn lại của ông T9 và bà L1 đã giao phần đất cho ông H canh tác. Do đó, không có cơ sở xác định ông H là người có toàn quyền sử dụng đối với phần đất này.

[3] Xét phần tài sản của bà Nguyễn Thị L1:

Phần tài sản của bà L1 ½ diện tích là 15.428,2m^2, Bà L1 chết ngày 14/4/1966 không để lại di chúc, người thừa kế của bà L1 yêu cầu chia di sản của bà L1 theo Án lệ số 26/2018 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018. Người để lại di sản là bất động sản chết trước ngày công bố Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990 thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu yêu

cầu chia di sản là kể từ ngày 30/8/1990, còn thời hiệu yêu cầu chia thừa kế được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự là 30 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất yêu cầu để lại một phần di sản của ông T9 và bà L1 là diện tích đất 2.755,6m^2 dùng vào việc thờ cúng và giao cho ông T quản lý. Do đó, ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc giao diện tích đất 2.755,6m^2 cho ông T quản lý để thực hiện việc thờ cúng. Như vậy 30.856,4m^2 - 2.755.6m^2=28.100.8m^2 mỗi người được 1/2 ông T9, bà L1 mỗi người còn lại diện tích là 14.050.4m^2

Do thời hiệu yêu cầu chia di sản của bà L1 đã hết nên di sản sẽ thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản. Bị đơn ông H là người thừa kế đang quản lý di sản nên ông H được công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 14.050,4m^2 là di sản của bà L1 đã hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế.

[5] Phần tài sản của ông Lê Văn T12 được chia theo pháp luật

Phân chia di sản:

Các đương sự đều yêu cầu được hưởng thừa kế bằng hiện vật (Nhận đất để canh tác) nên di sản được phân chia như sau:

- Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc chia cho bà D diện tích đất 247,3m^2. Bao gồm nhà, mái che diện tích 211,5m^2 và lối đi diện tích 35,8m^2.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc nhường diện tích đất còn lại trong kỷ phần của mình là 2.094,3m^2 cho ông T và ông H. Theo đó, ông H được chia diện tích đất 1.047,15m^2 từ kỷ phần thừa kế của bà D; ông T được chia diện tích đất 1.047,15m^2 từ kỷ phần thừa kế của bà D.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông V về việc nhường kỷ phần cho ông T và ông H. Theo đó, ông H được chia diện tích đất 1.170,85m^2 từ kỷ phần thừa kế của ông V; ông T được chia diện tích đất 1.170,85m^2 từ kỷ phần thừa kế của ông V.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Út M về việc nhường kỷ phần cho ông T và ông H. Theo đó, ông H được chia diện tích đất 1.170,85m^2 từ kỷ phần thừa kế của bà Út M; ông T được chia diện tích đất 1.170,85m^2 từ kỷ phần thừa kế của bà Út M.

- Ông T được chia tổng diện tích đất 5.730,6m^2.

- Ông H được chia tổng diện tích đất 5.730,6m^2.

- Tạm giao kỷ phần mà ông D1 được hưởng cho ông H quản lý là diện tích đất 2.341,7m^2.

Vấn đề cần rút kinh nghiệm, án sơ thẩm khi tuyên án, phải tuyên theo bản vẽ ngày 08/5/2023 mới đúng. Song cấp sơ thẩm có Công văn yêu cầu Công ty TNHH T13 biên tập chi tiết, mốc giới theo bản án tại bản vẽ ngày 27/12/2023 là có thiếu sót cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6] Tại tòa quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Số tiền 7.646.000 đồng được chia đều cho những người được nhận di sản thừa kế. Cụ thể, ông H, ông T, bà D, mỗi người phải chịu số tiền 2.549.000 đồng. Ông T đã tạm ứng số tiền này cho ông H, bà D nên ông H, bà D phải hoàn trả cho ông T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia. Tuy nhiên, ông H, ông T, bà D đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí cho ông H, ông T, bà D theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được xét miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Bình H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 445/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Bình T về việc chia thừa kế di sản của ông Lê Bình T9 theo pháp luật.

- Giao diện tích đất 2.755,6m^2 (Đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cho ông Lê Bình T quản lý để thực hiện việc thờ cúng. Mốc M17-M18 bằng 13.95m, M18-M19 bằng 15.25m, M19-M20 bằng 26.20m, M20-M21 bằng 35.75m, M21-M22 bằng 32.92m, M22-M23 bằng 9.60m, M23-M24 bằng 28.13m, M24-M17 bằng 116.81m (Thửa số 3 Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 08/5/2023 và ngày 27/12/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH T13 tại Cà Mau).

- Chia cho ông Lê Bình T tổng diện tích đất 5.730,6m^2, tọa lạc tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong đó, bao gồm:

Thửa số 2 diện tích 749,6m^2 (Đất trồng cây lâu năm), mốc M27-M28 bằng 9.75m, M28-M29 bằng 37.14m, M29-M30 bằng 24.88m, M30-M31 bằng 33.44m, M31-M32 bằng 11.76m, M32-M33 bằng 1.73m, M33-M34 bằng 11.78m, M34-M35 bằng 115.41m, M35-M27 bằng 4.57m.

Một phần thửa số 4 diện tích 2.567,7m^2 (Gồm 100m^2 đất ở tại nông thôn và 2.467,7m^2 trồng cây lâu năm) và một phần thửa số 5 diện tích 2.413,3m^2 (Đất trồng lúa). Mốc M25'-M36 bằng 87.37m, M36-M38 bằng 4.32m, M38-M39 bằng 4.32m, M39-M40 bằng 15.01m, M40-M41 bằng 3.12m, M41-M42 bằng 11.63m, M42-M17 bằng 46.51m, M17-M24 bằng 116.81m, M24-M25 bằng 14.85m, M25-M25' bằng 27.49m.

- Chia cho bà Lê Thị D diện tích đất 247,3m^2, tọa lạc tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, là một phần thửa số 4 bao gồm 100m^2 đất ở tại nông thôn và 147,3m^2 trồng cây lâu năm. Mốc M38-M39 bằng 4.32m, M39-M40 bằng 15.01m, M40-M41 bằng 3.12m, M41-M42 bằng 11.63m, M42-M43 bằng 3.00m, M43-M44 bằng 12.16m, M44-M45 bằng 3.12m, M45-M46 bằng 1.24m, M46-M47 bằng 3.05m, M47-M48 bằng 2.78m, M48-M49 bằng 3.25m, M49-M50 bằng 8.18m, M50-M51 bằng 3.18m, M51-M52 bằng 2.89m, M52-M39 bằng 12.52m.

- Công nhận và chia cho ông Lê Bình H tổng diện tích đất 19.781,2m^2, M4; Tạm giao kỷ phần mà ông Lê Hùng D1 được hưởng cho ông Lê Bình H quản lý là diện tích đất 2.341,7m^2, tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà. Trong đó, bao gồm:

Thửa số 1 diện tích 1.375,7m^2 (Đất trồng cây lâu năm). Mốc M2-M1 bằng 6.07m, M1-M11 bằng 241.40m, M11-M10 bằng 14.17m, M10-M9 bằng 1.81m, M9-M8 bằng 17.02m, M8-M7 bằng 34.52m, M7-M6 bằng 64.70m, M6-M5 bằng 29.98m, M5-M4 bằng 34.39m; M4-M3 bằng 47.14m, M3-M2 bằng 24.69m.

Một phần thửa số 4 diện tích 394,4m^2 (Gồm 100m^2 đất ở tại nông thôn và 294,4m^2 trồng cây lâu năm), mốc M44-M15 bằng 31.75m, M15-M43 bằng 7.33m, M43-M44 bằng 12.16m, M44-M45 bằng 3.12m, M45-M46 bằng 1.24m, M46-M47 bằng 3.05m, M47-M48 bằng 2.78m, M48-M49 bằng 3.25m, M49-M50 bằng 8.18m, M50-M51 bằng 3.18m, M51-M52 bằng 2.89m, M52-M38 bằng 8.2m, M38-M36 bằng 4.32m và một phần thửa số 5 diện tích 20.352,8m^2 (Đất trồng lúa), mốc M26-M12 bằng 116.04m, M12-M13 bằng 24.78m, M13-M14 bằng 51.56m, M14-M15 bằng 82.92m, M15-M44 bằng 31.75m, M44-M36 bằng 21.89m, M36-M25’ bằng 87.37m, M25’-M26 bằng 176.99m.

Kèm theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 08/5/2023 và bản vẽ ngày 27/12/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH T13 tại Cà Mau.

2. Về chi phí tố tụng:

- Ông Lê Bình T phải tự chịu số tiền 2.549.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng), ông T đã dự nộp và thực hiện xong.

- Ông Lê Bình H phải hoàn trả cho ông Lê Bình T số tiền 2.549.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Bà Lê Thị D phải hoàn trả cho ông Lê Bình T số tiền 2.549.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Bình T, ông Lê Bình H, bà Lê Thị D được miễn án phí và đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí theo quy định.

- Án phí dân sự phúc thẩm*:* Ông Lê Bình H được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện TVT;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Hùng Quang